

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	8 - 12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	13 - 15
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	16
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	17 - 57

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2014, thay thế Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 4A - 15 + 16, tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác cụ thể như sau:

- ▶ Chi nhánh Chợ Lớn: Lầu 1, 86 Tân Đà, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh.
- ▶ Chi nhánh Phú Nhuận: Tầng 1, Tòa nhà Tân Hà Phan, 465 Phan Xích Long, Quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh.
- ▶ Chi nhánh An Giang: Tầng 3, TTTM Nguyễn Huệ, 9/9 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Xuyên, TP.Long Xuyên.
- ▶ Chi nhánh Đồng Nai: Số 249 Hà Huy Giáp, Khu phố 4, Phường Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, Đồng Nai.
- ▶ Chi nhánh Hà Nội: Tầng 3, Tòa nhà 14-16 Hàm Long, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm</i>
Ông Ronnie Royston Fernandez	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2014
Ông Ong Cheow Kheng	Phó Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2016
Bà Ami Moris	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2014
Ông Jeffrey Goh Cho Kiat	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2014
Ông Goh Keat Jin	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Mohamad Yasin bin Abdullah	Trưởng ban	Ngày 28 tháng 2 năm 2014
Bà Nguyễn Tuyết Vân	Thành viên	Ngày 13 tháng 1 năm 2014
Bà Quách Thanh Bảo Trân	Thành viên	Ngày 3 tháng 8 năm 2015

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Kim Thiên Quang	Tổng Giám đốc	Ngày 12 tháng 8 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 1 tháng 9 năm 2010
Bà Trần Thị Thu Hằng	Giám đốc Tài chính Kế toán	Ngày 10 tháng 11 năm 2014
Bà Trần Thị Ngọc Hương	Kế toán Trưởng	Ngày 10 tháng 3 năm 2014

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này là Ông Kim Thiên Quang, chức vụ Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60994674/18609013-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Chủ sở hữu
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng (“Công ty”), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 57, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better
working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B01g-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước (trình bày lại)
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	4.1	4.410.443.054	5.293.792.802
01.1	a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL		65.600	-
01.2	b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL		1.047.510	-
01.3	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL		4.409.329.944	5.293.792.802
03	2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	4.1	41.079.635.403	44.350.426.516
06	3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	4.2	30.278.292.627	34.403.739.118
08	4. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn	4.2	60.000.000	187.000.000
10	5. Doanh thu lưu ký chứng khoán	4.2	1.493.256.350	1.306.400.572
11	6. Thu nhập từ hoạt động khác	4.2	3.752.035.591	6.223.749.631
20	Cộng doanh thu hoạt động		81.073.663.025	91.765.108.639
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(10.024.000)	(54.000)
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL		(10.024.000)	-
21.2	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL		-	(54.000)
23	2. Chi phí lỗ từ các khoản cho vay và phải thu	5	(7.966.405.807)	(3.105.509.968)
27	3. Chi phí môi giới chứng khoán		(33.735.376.449)	(32.304.296.816)
29	4. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		(996.518.553)	(1.281.851.921)
31	5. Chi phí lưu ký chứng khoán		(2.383.227.709)	(2.308.981.453)
40	Cộng chi phí hoạt động		(45.091.552.518)	(39.000.694.158)
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		18.097.655	68.551.731
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ		1.576.105.422	1.532.017.194
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	6	1.594.203.077	1.600.568.925

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B01g-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước (trình bày lại)
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		(30.690.682)	(5.135.329)
60	Cộng chi phí tài chính		(30.690.682)	(5.135.329)
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ	7	(32.801.136.344)	(32.764.742.454)
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		4.744.486.558	21.595.105.623
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		2.300.000	-
72	2. Chi phí khác		-	(206.870.526)
80	Cộng kết quả hoạt động khác		2.300.000	(206.870.526)
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		4.746.786.558	21.388.235.097
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		4.746.786.558	21.388.235.097
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-
100	X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)		(1.061.508.414)	(4.781.596.154)
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	8	(1.061.508.414)	(4.781.596.154)
100.2	2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	23	-	-
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		3.685.278.144	16.606.638.943
400	Tổng thu nhập toàn diện		3.685.278.144	16.606.638.943

Người lập:



Đào Thị Ngọc Thủy
Phó phòng Tài chính
Kế toán

Người kiểm soát:



Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Trần Thị Thu Hằng
Giám đốc Tài chính
Kế toán

Người phê duyệt:



Trần Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2016

B02g-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.057.704.273.463	955.456.866.675
110	I. Tài sản tài chính		1.053.057.852.834	951.434.494.095
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	9	44.231.594.283	235.764.069.456
111.1	a. Tiền		1.231.594.283	30.764.069.456
111.2	b. Các khoản tương đương tiền		43.000.000.000	205.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	11.1	54.003.672.000	1.585.700
114	3. Các khoản cho vay	11.2	960.406.203.810	715.743.953.794
116	4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp		(17.227.397.686)	(10.193.110.917)
117	5. Các khoản phải thu	12	9.101.752.127	8.036.668.112
117.3	a. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		9.101.752.127	8.036.668.112
119	6. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	12	423.258.136	226.492.054
122	7. Các khoản phải thu khác	12	2.118.770.164	1.854.835.896
130	II. Tài sản ngắn hạn khác	13	4.646.420.629	4.022.372.580
131	1. Tạm ứng		161.796.072	114.114.923
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn		4.484.624.557	3.908.257.657
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		36.932.756.842	37.480.127.942
220	III. Tài sản cố định		16.273.842.910	15.384.461.494
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	10.663.166.354	12.922.380.719
222	- Nguyên giá		42.900.010.853	42.841.010.853
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(32.236.844.499)	(29.918.630.134)
227	2. Tài sản cố định vô hình	15	5.610.676.556	2.462.080.775
228	- Nguyên giá		23.128.211.723	19.365.501.766
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.517.535.167)	(16.903.420.991)
240	IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		706.866.000	3.036.558.957
250	V. Tài sản dài hạn khác		19.952.047.932	19.059.107.491
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		3.062.380.205	3.062.380.205
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	16	240.651.561	1.847.711.120
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	17	16.649.016.166	14.149.016.166
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.094.637.030.305	992.936.994.617

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 ngày 30 tháng 6 năm 2016

B02g-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		187.810.525.332	89.795.767.788
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		187.757.108.673	89.742.351.129
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn		95.570.000.000	26.000.000.000
312	1.1 Vay ngắn hạn	18	95.570.000.000	26.000.000.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	19	77.823.714.901	45.302.218.394
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	20	4.613.509.310	1.792.969.507
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		475.832.000	475.832.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	2.254.513.933	3.611.470.132
323	6. Phải trả người lao động		3.939.026.148	9.212.682.069
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		158.490.366	73.666.864
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	2.831.931.467	3.158.317.685
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		90.090.548	115.194.478
340	II. Nợ phải trả dài hạn		53.416.659	53.416.659
356	1. Thuế TNDN hoãn lại phải trả	23	53.416.659	53.416.659
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	24	906.826.504.973	903.141.226.829
410	I. Vốn chủ sở hữu		906.826.504.973	903.141.226.829
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		829.110.000.000	829.110.000.000
414	2. Quỹ dự trữ điều lệ		5.254.677.055	5.071.202.193
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		5.254.677.056	5.071.202.194
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		67.207.150.862	63.888.822.442
417.1	a. Lợi nhuận đã thực hiện		67.207.150.862	63.888.822.442
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.094.637.030.305	992.936.994.617

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 ngày 30 tháng 6 năm 2016

B02g-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Số lượng chứng khoán

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ (Trình bày lại)
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
005	1. Ngoại tệ các loại (quy đổi VND)	25.1	86.077.044	2.838.413.393
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Công ty	25.2	67	35
008.1	- Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		67	35
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của nhà đầu tư	25.3	587.247.732	511.489.676
021.1	- Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		559.284.099	484.014.632
021.2	- Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		9.974.396	8.363.100
021.3	- Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		9.500.200	9.500.200
021.5	- Tài sản tài chính chờ thanh toán		8.489.037	9.611.744
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của nhà đầu tư	25.4	1.517.106	9.678.006
022.1	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		1.517.106	8.892.656
022.2	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		-	785.350
023	3. Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư	25.5	8.379.978	8.435.403

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 ngày 30 tháng 6 năm 2016

B02g-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ (Trình bày lại)
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	4. Tiền gửi của khách hàng	25.6	212.634.298.301	176.991.784.920
027	5. Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán		107.468.685.760	104.755.870.834
027.1	- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán ("CTCK") quản lý		107.468.685.760	104.755.870.834
028	6. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của khách hàng		96.005.369.972	30.167.024.115
028.1	7. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	25.6	9.160.242.569	42.068.889.971
028.2	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước		1.170.249.716	28.010.898.847
030	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài		7.989.992.853	14.057.991.124
030.1	8. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.7	105.952.950.400	102.581.891.970
030.2	- Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		72.393.064.540	81.803.009.465
031	- Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		33.559.885.860	20.778.882.505
031.1	9. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý		105.165.612.541	72.235.914.086
031.2	- Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý		48.806.236.513	58.177.922.962
	- Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý		56.359.376.028	14.057.991.124

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 ngày 30 tháng 6 năm 2016

B02g-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ (Trình bày lại)
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
034	Phải trả vay Công ty	25.9	960.406.203.810	715.743.953.794
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	25.7	1.515.735.360	2.173.978.864

Người lập:

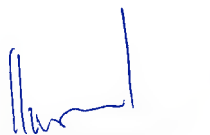
Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



Đào Thị Ngọc Thủy
 Phó phòng Tài chính
 Kế toán



Trần Thị Ngọc Hương
 Kế toán Trưởng



Trần Thị Thu Hằng
 Giám đốc Tài chính
 Kế toán



Trần Thiên Quang
 Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B03g-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước (trình bày lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước Thuế TNDN		4.746.786.558	21.388.235.097
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		5.896.274.992	1.114.077.362
03	- Khấu hao tài sản cố định		2.932.328.541	2.725.349.794
04	- Các khoản dự phòng	11.3	7.034.286.769	99.721.606
06	- Chi phí phải trả, chi phí trả trước		983.011.510	1.902.103.070
07	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.533.651.424)	(6.122.177.137)
08	- Dự thu tiền lãi	12	(1.451.819.442)	(496.708.333)
09	- Các khoản điều chỉnh khác		932.119.038	3.005.788.362
30	3. Thay đổi tài sản và nợ phải trả hoạt động		(298.664.336.316)	55.059.133.320
31	Tăng tài sản tài chính FVTPL		(54.002.086.300)	(369.000)
33	(Tăng)/giảm các khoản cho vay		(244.662.250.016)	55.059.502.320
42	4. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(288.021.274.766)	77.561.445.779
44	(Tăng)/giảm phải thu tiền lãi các tài sản tài chính		(1.065.084.015)	1.223.737.493
45	Tăng các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(196.766.082)	(22.622.339)
47	Tăng các khoản phải thu khác		(4.407.152)	(1.133.091.778)
48	Tăng các phải trả cho người bán		2.820.539.803	-
50	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		607.750.788	(98.288.693)
51	Tăng phải trả, phải nộp khác		26.897.273.818	31.876.749.978
52	Thuế TNDN đã nộp	8	(3.088.742.519)	(392.998.817)
54	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.519.883.265)	(4.937.332.437)
60	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động kinh doanh		(264.570.593.390)	104.077.599.186

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B03g-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước (trình bày lại)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	14,15	(1.492.017.000)	(7.067.395.361)
65	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.960.135.217	6.311.363.094
70	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		3.468.118.217	(756.032.267)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
73	Tiền vay gốc		190.141.793.419	82.230.117.662
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(120.571.793.419)	(303.735.888.464)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		69.570.000.000	(221.505.770.802)
90	GIẢM TIỀN THUẦN TRONG KỶ		(191.532.475.173)	(118.184.203.883)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ	9	235.764.069.456	399.642.000.498
102	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		235.764.069.456	399.642.000.498
102.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK		30.764.069.456	2.532.000.498
102.2	Các khoản tương đương tiền		205.000.000.000	397.110.000.000
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ	9	44.231.594.283	281.457.796.615
104	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		44.231.594.283	281.457.796.615
104.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK		1.231.594.283	23.457.796.615
104.2	Các khoản tương đương tiền		43.000.000.000	258.000.000.000

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**

B03g-CTCK

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		7.216.321.922.512	8.031.121.655.731
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(7.236.059.115.107)	(8.034.835.467.985)
06	4. Chi tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng		(8.102.995.067.170)	(8.715.981.770.040)
09	5. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		8.158.374.773.146	8.721.320.523.006
20	Tăng tiền thuần trong kỳ		35.642.513.381	1.624.940.712
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	25.6	176.991.784.920	211.489.569.722
32	1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		104.755.870.834	72.908.030.271
34	2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		30.167.024.115	101.750.214.416
35	3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		42.068.889.971	36.831.325.035
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	25.6	212.634.298.301	213.114.510.434
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:			
42	1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		107.468.685.760	75.711.832.249
44	2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		96.005.369.972	92.389.232.992
45	3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		9.160.242.569	45.013.445.193

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



Đào Thị Ngọc Thủy
Phó phòng Tài chính
Kế toán



Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng



Trần Thị Thu Hằng
Giám đốc Tài chính
Kế toán



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2014, thay thế Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 4A - 15 + 16, tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 196 (31 tháng 12 năm 2015: 210).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VND") phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ, báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt thu nhập toàn diện giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Sổ nhật ký chung.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B04g-CTCK

VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ (giảm)				Số dư cuối kỳ	
	Ngày 01/01/2015	Ngày 01/01/2016	6 tháng năm 2015		6 tháng năm 2016		Ngày 30/06/2015	Ngày 30/06/2016
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	829.110.000.000	829.110.000.000	-	-	-	-	829.110.000.000	829.110.000.000
- Vốn pháp định	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
- Vốn bổ sung	529.110.000.000	529.110.000.000	-	-	-	-	529.110.000.000	529.110.000.000
2. Quỹ dự trữ vốn điều lệ	3.611.260.239	5.071.202.193	830.331.946	-	183.474.862	-	4.441.592.185	5.254.677.055
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	3.611.260.240	5.071.202.194	830.331.946	-	183.474.862	-	4.441.592.186	5.254.677.056
4. Lợi nhuận chưa phân phối	37.609.867.274	63.888.822.442	16.606.638.943	(1.660.663.892)	3.685.278.144	(366.949.724)	52.555.842.325	67.207.150.862
5. Lợi nhuận đã thực hiện	37.609.867.274	63.888.822.442	16.606.638.943	(1.660.663.892)	3.685.278.144	(366.949.724)	52.555.842.325	67.207.150.862
TỔNG CỘNG	873.942.387.753	903.141.226.829	18.267.302.835	(1.660.663.892)	4.052.227.868	(366.949.724)	890.549.026.696	906.826.504.973

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



Đào Thị Ngọc Thủy
Phó phòng Tài chính Kế toán



Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng



Trần Thị Thu Hằng
Giám đốc Tài chính Kế toán




Trần Thị Thu Hằng
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

2.4 Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ("Thông tư 210"). Thông tư này thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016. Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Những thay đổi quan trọng do áp dụng Thông tư 210 bao gồm:

- ▶ Thay đổi tên và hình thức các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán được đổi tên thành báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được đổi tên thành báo cáo thu nhập toàn diện; báo cáo thu nhập toàn diện khác, báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động môi giới và vốn ủy thác của nhà đầu tư được trình bày riêng như một phần của các báo cáo tài chính cơ bản.
- ▶ Tài sản tài chính được phân thành bốn (4) loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay.
- ▶ Quản lý tách biệt tài sản của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư trên các khoản mục tiền gửi, chứng khoán, các khoản phải trả.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

Ngoài ra, Thông tư 210 cũng hướng dẫn việc đo lường các tài sản tài chính như sau:

- ▶ Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ (FVTPL): được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty và chênh lệch đánh giá lại phát sinh sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí từ tài sản tài chính FVTPL trên Báo cáo thu nhập toàn diện của Công ty.
- ▶ Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): được ghi nhận theo giá trị hợp lý và mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ một tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (Thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên Báo cáo biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS.
- ▶ Các tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM): được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.
- ▶ Các khoản cho vay: được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Tuy nhiên, do Luật Kế toán hiện hành chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nên các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý được trình bày ở trên sẽ tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản lỗ/dự phòng suy giảm giá trị (nếu có) cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Thông tư 210 có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực khi Luật Kế toán số 88/2015/QH13 có hiệu lực tại ngày 1 tháng 1 năm 2017.

Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 210 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại *Thuyết minh* 26.5.

3.2 Các chính sách kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 (“Luật Kế toán mới”). Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty chứng khoán.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc do Luật Kế toán hiện hành chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ ngay khi phát sinh.

Khoản lỗ do suy giảm giá trị của các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ trên khoản mục "Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản lãi do chênh lệch tăng so với kỳ trước do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ trên khoản mục "Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

3.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Các khoản cho vay (tiếp theo)

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được phân loại thành 5 nhóm theo phương pháp định tính và định lượng theo quy định tại Thông tư 210.

Các khoản cho vay được phân loại vào các nhóm nợ có rủi ro thấp hơn khi khách hàng đã trả đầy đủ nợ gốc và lãi theo kỳ hạn trả nợ ban đầu (đối với các khoản cho vay quá hạn) hoặc theo kỳ hạn trả nợ đã cơ cấu (đối với các khoản cho vay cơ cấu); đồng thời thỏa mãn đầy đủ các điều kiện về hồ sơ, chứng từ khách hàng đã trả nợ; và các tài liệu đánh giá khả năng khách hàng trả nợ còn lại đúng hạn.

Các khoản cho vay được phân loại vào các nhóm nợ có rủi ro cao hơn trong các trường hợp sau:

- ▶ Xảy ra các biến động bất lợi trong môi trường, lĩnh vực kinh doanh tác động tiêu cực trực tiếp đến khả năng trả nợ của khách hàng như: thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, môi trường kinh tế...;
- ▶ Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, tỷ lệ nợ trên vốn, dòng tiền, khả năng trả nợ của khách hàng suy giảm liên tục hoặc có biến động lớn theo chiều hướng suy giảm qua 03 lần đánh giá, phân loại nợ liên tục;
- ▶ Khách hàng không cung cấp đầy đủ, kịp thời và trung thực các thông tin tài chính theo yêu cầu để đánh giá khả năng trả nợ;
- ▶ Khoản nợ đã được phân loại vào các nhóm 2, nhóm 3, nhóm 4 từ 1 năm trở lên nhưng không đủ điều kiện phân loại vào nhóm có rủi ro thấp hơn;
- ▶ Nợ mà hành vi cho vay bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

3.6 Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay bao gồm: dự phòng cụ thể và dự phòng chung. Trong đó:

- ▶ Dự phòng cụ thể là số tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra đối với từng khoản cho vay cụ thể.
- ▶ Dự phòng chung là số tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra nhưng chưa xác định được khi trích lập dự phòng cụ thể.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng chung và dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay theo hướng dẫn tại Thông tư 210 như sau:

- Dự phòng chung phải trích được xác định bằng 0,75% tổng số dư các khoản cho vay từ nhóm 1 đến nhóm 4, trừ các khoản tiền gửi.
- Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính*

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

3.8 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ trên khoản mục "*Chi phí quản lý công ty chứng khoán*" trong kỳ.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.9 *Tài sản cố định*

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 năm
Phần mềm tin học	5 năm

3.11 *Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.12 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần từ một (1) đến hai mươi hai (22) tháng vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

3.13 *Các khoản vay*

Các khoản vay được được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

3.14 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 *Lợi ích của nhân viên*

3.15.1 *Trợ cấp nghỉ hưu*

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

3.15.2 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi niên độ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Bộ Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ. Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Bộ Luật Lao động.

3.15.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

3.18 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.20 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo thu nhập toàn diện thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 *Vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo thu nhập toàn diện của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Trích lập hàng năm</i>	<i>Số dư tối đa</i>	<i>Mục đích sử dụng</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ	Bổ sung vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ	Bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh

Việc trích lập các quỹ còn lại do tổ chức tín dụng tự quyết định.

Việc trích lập các quỹ này dựa trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cuối năm.

3.21 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.22 *Các khoản mục không có số dư*

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

4.1 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay và phải thu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	4.410.443.054	5.293.792.802
- Lãi tiền gửi ngân hàng	4.409.294.444	5.293.792.802
- Cổ tức từ tài sản tài chính FVTPL	35.500	-
- Các khoản khác	1.113.110	-
Từ các khoản cho vay và phải thu	41.079.635.403	44.350.426.516
- Tiền lãi cho vay ký quỹ	39.897.094.547	41.348.758.903
- Tiền lãi cho vay ứng trước tiền bán	1.182.540.856	3.001.667.613
Tổng cộng	45.490.078.457	49.644.219.318

4.2 Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	30.278.292.627	34.403.739.118
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	60.000.000	187.000.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	1.493.256.350	1.306.400.572
Thu nhập từ hoạt động khác	3.752.035.591	6.223.749.631
- Từ cho thuê tài sản	234.000.000	252.000.000
- Từ phí nghiên cứu và các hoạt động khác	3.518.035.591	5.971.749.631
Tổng cộng	35.583.584.568	42.120.889.321

5. CHI PHÍ LÃI VAY, LỖ TỪ CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ PHẢI THU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay - Dự phòng chung	7.034.286.769	99.721.606
Chi phí lãi vay	565.487.751	2.150.065.048
- Hoạt động ký quỹ	565.487.751	666.188.899
- Hoạt động ứng trước tiền bán	-	1.483.876.149
Chi phí khác	366.631.287	855.723.314
	7.966.405.807	3.105.509.968

Dự phòng chung các khoản cho vay được trích lập bằng 0,75% dư nợ cho vay theo quy định Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

6. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Loại doanh thu hoạt động tài chính	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	18.097.655	68.551.731
- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã thực hiện	621.606	68.551.731
- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	17.476.049	-
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.576.105.422	1.532.017.194
Tổng cộng	1.594.203.077	1.600.568.925

7. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lương và các khoản phúc lợi	17.383.897.700	18.322.525.432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.318.031.750	10.285.881.479
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.380.609.728	2.057.182.189
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	2.096.046.328	1.398.103.190
Chi phí công cụ, dụng cụ	465.838.676	638.637.152
Chi phí văn phòng phẩm	66.513.213	61.449.868
Chi phí khác	90.198.949	963.144
Tổng cộng	32.801.136.344	32.764.742.454

8. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong kỳ.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo thu nhập toàn diện vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Theo các quy định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

8. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ của Công ty được trình bày dưới đây:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	4.746.786.558	21.388.235.097
Cộng:		
- Chi phí không được khấu trừ	103.339.949	-
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ	4.850.126.507	21.388.235.097
Thuế TNDN phải trả ước tính theo thuế suất hiện hành	970.025.301	4.705.411.722
Thuế TNDN nộp thiếu các năm trước	91.483.113	76.184.432
Chi phí thuế TNDN	1.061.508.414	4.781.596.154
Thuế TNDN phải trả/(nộp thừa) đầu kỳ	1.964.706.987	(2.446.325.712)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(3.088.742.519)	(392.998.817)
Thuế TNDN (nộp thừa)/phải nộp cuối kỳ	(62.527.118)	1.942.271.625

9. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	52.327.944	42.747.755
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	1.170.168.343	28.247.092.953
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	9.097.996	2.474.228.748
Các khoản tương đương tiền		
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	43.000.000.000	205.000.000.000
Tổng cộng	44.231.594.283	235.764.069.456

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

10. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (đơn vị)</i>	<i>Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ (VND)</i>
a. Cửa Công ty		
- Cổ phiếu	20.372	743.833.700
b. Cửa nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	1.174.518.815	16.322.189.245.380
Tổng cộng	1.174.539.187	16.322.933.079.080

11. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

11.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua FVTPL

	<i>Số dư cuối kỳ</i>		<i>Số dư đầu kỳ</i>	
	<i>Giá trị ghi sổ VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>	<i>Giá trị ghi sổ VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>
Cổ phiếu niêm yết	3.672.000	3.672.000	1.585.700	1.585.700
Tiền gửi có kỳ hạn	54.000.000.000	54.000.000.000	-	-
Tổng cộng	54.003.672.000	54.003.672.000	1.585.700	1.585.700

Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn sáu (6) tháng và đang được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV").

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

11. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11.2 Các khoản cho vay và phải thu (tiếp theo)

	Số dư cuối kỳ VND			Số dư đầu kỳ VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
1. Hoạt động ký quỹ	938.004.624.106	7.034.286.769	930.870.615.731	678.886.104.227	-	678.786.382.621
2. Hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	12.308.190.393	-	12.308.190.393	26.764.460.256	-	26.764.460.256
3. Cho vay khác	10.093.389.311	10.193.110.917	-	10.093.389.311	10.193.110.917	-
	960.406.203.810	17.227.397.686	943.178.806.124	715.743.953.794	10.193.110.917	705.550.842.877

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện phân loại nợ các khoản cho vay bao gồm cho vay hoạt động ký quỹ, cho vay hoạt động ứng trước tiền bán và các khoản phải thu khác. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng chung cho tất cả những khoản cho vay được phân loại nợ nhóm 1 với mức trích lập là 0,75% trên dư nợ gốc các khoản cho vay theo quy định của Thông tư 210.

Cho vay khác là các khoản cho vay theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán hoặc tài sản của nhà đầu tư. Theo quy định của Ủy ban Chứng khoán, Công ty đã chấm dứt các nghiệp vụ này từ ngày 7 tháng 7 năm 2012. Các khoản phải thu nêu trên liên quan đến các khoản nợ khó đòi phát sinh từ năm 2010 đã được Công ty trích lập dự phòng cụ thể 100% phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của các cổ phiếu niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ.
- ▶ Giá trị hợp lý của tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và hợp tác đầu tư tương đương với giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

11. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11.3 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Dự phòng cụ thể các khoản cho vay	10.193.110.917	10.193.110.917
Dự phòng chung các khoản cho vay	7.034.286.769	-
	17.227.397.686	10.193.110.917

12. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	9.101.752.127	8.036.668.112
- Dự thu lãi cho vay hoạt động ký quỹ	7.638.272.720	6.724.174.144
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.451.819.442	1.254.819.444
- Dự thu lãi cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	11.659.965	57.674.524
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	423.258.136	226.492.054
- Phải thu phí lưu ký của nhà đầu tư	396.858.136	226.492.054
- Phải thu hoạt động cho thuê tài sản	26.400.000	-
Phải thu khác	2.118.770.164	1.854.835.896
- Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh 26.1)	1.275.803.600	-
- Thuế TNDN nộp thừa	62.527.118	-
- Các khoản khác	780.439.446	1.854.835.896
Tổng cộng	11.643.780.427	10.117.996.062

13. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Tạm ứng	161.796.072	114.114.923
Chi phí trả trước ngắn hạn	4.484.624.557	3.908.257.657
- Chi phí bảo trì hệ thống	2.434.501.046	2.831.921.612
- Trả trước tiền thuê văn phòng	248.356.886	272.532.256
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.801.766.625	803.803.789
Tổng cộng	4.646.420.629	4.022.372.580



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Máy móc thiết bị VND</i>	<i>Phương tiện vận tải VND</i>	<i>TSCĐ hữu hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	38.476.908.326	3.052.011.905	1.312.090.622	42.841.010.853
Mua trong kỳ	59.000.000	-	-	59.000.000
Số dư cuối kỳ	38.535.908.326	3.052.011.905	1.312.090.622	42.900.010.853
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	(25.921.689.423)	(2.943.531.219)	(1.053.409.492)	(29.918.630.134)
Tăng trong kỳ	(2.142.455.560)	(92.983.445)	(82.775.360)	(2.318.214.365)
Số dư cuối kỳ	(28.064.144.983)	(3.036.514.664)	(1.136.184.852)	(32.236.844.499)
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	12.555.218.903	108.480.686	258.681.130	12.922.380.719
Số dư cuối kỳ	10.471.763.343	15.497.241	175.905.770	10.663.166.354

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 20.150.766.729 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 17.482.129.851 đồng).

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm tin học VND</i>
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	19.365.501.766
Tăng trong kỳ	3.762.709.957
- Mua mới trong kỳ	1.433.017.000
- Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.329.692.957
Số dư cuối kỳ	23.128.211.723
Hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	(16.903.420.991)
Tăng trong kỳ	(614.114.176)
Số dư cuối kỳ	(17.517.535.167)
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	2.462.080.775
Số dư cuối kỳ	5.610.676.556

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 15.154.341.540 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 15.154.341.540 đồng).

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Số dư cuối kỳ VND</i>	<i>Số dư đầu kỳ VND</i>
Chi phí cải tạo văn phòng	145.591.505	740.815.965
Chi phí vật dụng văn phòng	95.060.056	1.106.895.155
Tổng cộng	240.651.561	1.847.711.120

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

17. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Quyết định số 87/2007/QĐ-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán và Thông tư số 43/2010/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2010 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán, Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 03 năm 2015 và Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 05 năm 2014 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Biến động tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán trong kỳ như sau:

	<i>Kỳ này</i> VND	<i>Kỳ trước</i> VND
Số dư đầu kỳ	14.149.016.166	11.649.016.166
Tiền nợ bổ sung trong kỳ	2.500.000.000	2.500.000.000
Số dư cuối kỳ	16.649.016.166	14.149.016.166

18. VAY NGẮN HẠN

	<i>Lãi suất</i> %/năm	<i>Số dư</i> đầu kỳ VND	<i>Số vay</i> trong kỳ VND	<i>Số đã trả</i> trong kỳ VND	<i>Số dư</i> cuối kỳ VND
Vay ngân hàng					
Vay ngắn hạn và vay thấu chi	3,05 – 7,00	<u>26.000.000.000</u>	<u>190.141.793.419</u>	<u>(120.571.793.419)</u>	<u>95.570.000.000</u>

Đây là các khoản vay ngắn hạn nhằm bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty và vay thấu chi nhằm tài trợ cho các hoạt động hàng ngày của Công ty được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

19. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<i>Số dư cuối kỳ VND</i>	<i>Số dư đầu kỳ VND</i>
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	77.818.909.233	45.302.218.394
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	4.805.668	-
Tổng cộng	77.823.714.901	45.302.218.394

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Số dư cuối kỳ VND</i>	<i>Số dư đầu kỳ VND</i>
Velocity Technology Solution - cung cấp phần mềm kế toán SAP	2.903.983.128	1.756.951.128
Phải trả phí dịch vụ cho các bên liên quan	1.689.436.801	19.468.870
Các khoản phải trả khác	20.089.381	16.549.509
Tổng cộng	4.613.509.310	1.792.969.507

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Số dư cuối kỳ VND</i>	<i>Số dư đầu kỳ VND</i>
Thuế thu nhập cá nhân	1.736.778.397	1.204.318.582
- Thuế thu nhập cá nhân của Công ty	406.820.673	331.302.299
- Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	1.329.957.724	873.016.283
Thuế nhà thầu	276.575.963	248.559.531
Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty	-	1.964.706.987
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ nhà đầu tư tổ chức	206.531.616	75.725.566
Thuế giá trị gia tăng	34.627.957	118.159.466
Tổng cộng	2.254.513.933	3.611.470.132

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số dư đầu kỳ VND</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ VND</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ VND</i>	<i>Số dư cuối kỳ VND</i>
1	Thuế thu nhập cá nhân	1.204.318.582	10.947.535.263	(10.415.075.448)	1.736.778.397
	- Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên Công ty	331.302.299	4.230.667.504	(4.155.149.130)	406.820.673
	- Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư cá nhân	873.016.283	6.716.867.759	(6.259.926.318)	1.329.957.724
2	Thuế nhà thầu	248.559.531	508.637.161	(480.620.729)	276.575.963
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.040.432.553	1.849.067.078	(3.745.495.133)	144.004.498
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty	1.964.706.987	1.061.508.414	(3.088.742.519)	(62.527.118)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ nhà đầu tư tổ chức	75.725.566	787.558.664	(656.752.614)	206.531.616
4	Thuế giá trị gia tăng	118.159.466	368.900.085	(452.431.594)	34.627.957
	Tổng cộng	3.611.470.132	13.674.139.587	(15.093.622.904)	2.191.986.815

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Chi phí giao dịch	998.269.585	527.813.831
Chi phí phải trả	726.708.405	1.166.319.642
Phí họp, họp hội đồng thành viên của Công ty	405.000.000	617.500.000
Phí dịch vụ chuyên môn	325.186.122	591.247.500
Chi phí lưu ký	280.783.900	243.353.379
Lãi vay phải trả	95.983.455	12.083.333
Tổng cộng	2.831.931.467	3.158.317.685

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Khấu hao tài sản cố định	53.416.659	53.416.659

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do khác nhau giữa tỷ lệ khấu hao của tài sản cố định theo chính sách kế toán của Công ty và Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Quyết định số 1173/2013 ngày 21 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về việc quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định.

Chi tiết biến động khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ như sau:

	Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ		Ảnh hưởng đến báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ	
	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Khấu hao tài sản cố định	53.416.659	53.416.659	-	-

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND</i>	<i>Quỹ đầu dự trữ vốn điều lệ VND</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính VND</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Số dư đầu kỳ	829.110.000.000	5.071.202.193	5.071.202.194	63.888.822.442	903.141.226.829
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	3.685.278.144	3.685.278.144
- Trích quỹ năm trước	-	183.474.862	183.474.862	(366.949.724)	-
Số dư cuối kỳ	829.110.000.000	5.254.677.055	5.254.677.056	67.207.150.862	906.826.504.973

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC TÀI KHOẢN LOẠI 0

25.1 Ngoại tệ các loại của Công ty

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
USD	82.585.499	2.835.052.452
SGD	3.491.545	3.360.941
Tổng cộng	86.077.044	2.838.413.393

25.2 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Công ty

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	670.000	350.000

25.3 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của nhà đầu tư

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	5.592.840.990.000	4.840.146.320.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	99.743.960.000	83.631.000.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	95.002.000.000	95.002.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	84.890.370.000	96.117.440.000
Tổng cộng	5.872.477.320.000	5.114.896.760.000

25.4 Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") và chưa giao dịch của nhà đầu tư

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	15.171.060.000	88.926.560.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	-	7.853.500.000
Tổng cộng	15.171.060.000	96.780.060.000

25.5 Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Cổ phiếu	83.799.780.000	84.354.030.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC TÀI KHOẢN LOẠI 0 (tiếp theo)

25.6 Tiền của nhà đầu tư

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	107.468.685.760	104.755.870.834
- Tiền gửi của nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	73.908.799.900	83.976.988.329
- Tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	33.559.885.860	20.778.882.505
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	96.005.369.972	30.167.024.115
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	9.160.242.569	42.068.889.971
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước	1.170.249.716	28.010.898.847
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài	7.989.992.853	14.057.991.124
Tổng cộng	212.634.298.301	176.991.784.920

25.7 Phải trả nhà đầu tư về dịch vụ cho công ty chứng khoán

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	105.952.950.400	102.581.891.970
- Cửa nhà đầu tư trong nước	72.393.064.540	81.803.009.465
- Cửa nhà đầu tư nước ngoài	33.559.885.860	20.778.882.505
Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức ngân hàng thương mại quản lý	105.165.612.541	72.235.914.086
- Cửa nhà đầu tư trong nước	48.806.236.513	58.177.922.962
- Cửa nhà đầu tư nước ngoài	56.359.376.028	14.057.991.124
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	1.515.735.360	2.173.978.864
Tổng cộng	212.634.298.301	176.991.784.920

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC TÀI KHOẢN LOẠI 0 (tiếp theo)

25.8 Phải trả của nhà đầu tư về dịch vụ cho Công ty

	<i>Số dư cuối kỳ VND</i>	<i>Số dư đầu kỳ VND</i>
Phải trả phí lưu ký chứng khoán (Thuyết minh 12)	396.858.136	226.492.054

25.9 Phải trả vay Công ty của nhà đầu tư

	<i>Số dư cuối kỳ VND</i>	<i>Số dư đầu kỳ VND</i>
Phải trả gốc vay nghiệp vụ ký quỹ	938.004.624.106	678.886.104.227
Phải trả gốc vay nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	12.308.190.393	26.764.460.256
Phải trả khác	10.093.389.311	10.093.389.311
Tổng cộng	960.406.203.810	715.743.953.794

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

26.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan*

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
Maybank international Labuan Branch	Chi nhánh của Công ty chủ quản cấp cao nhất	Vay	100.544.000.000	64.050.000.000
		Trả gốc vay	22.474.000.000	64.050.000.000
		Chi phí lãi vay	33.381.021	381.959.480
Maybank Kim Eng Securities Pte. Ltd	Công ty con của MBKEH	Phí hoa hồng	1.401.713.550	1.002.754.394
		Phí marketing	410.409.780	447.341.096
		Thu phí môi giới	452.492.530	10.470.037
Maybank Kim Eng Securities (Thai Land) Public Company Ltd	Công ty con của MBKEH	Thu phí môi giới	154.900.181	68.533.144
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hồ Chí Minh	Chi nhánh của Công ty chủ quản cao nhất	Vay	15.000.000.000	-
		Trả tiền vay	30.000.000.000	50.000.000.000
		Trả lãi vay và dịch vụ liên quan	218.896.456	288.888.891
		Thu lãi tiền gửi	979.606	3.083.740
		Trả phí ngân hàng	1.811.595	-
Maybank Kim Eng Research Pte. Ltd	Bên liên quan	Thu phí nghiên cứu	1.159.821.455	1.052.180.949
		Trả phí nghiên cứu	340.799.331	351.207.751
Maybank Kim Eng Holding Limited (MBKEH)	Công ty mẹ	Trả gốc vay	-	107.113.000.000
		Trả lãi vay	-	283.910.146
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hà Nội	Chi nhánh của Công ty chủ quản cao nhất	Trả gốc vay	-	80.000.000.000
		Trả lãi vay	-	813.027.778
Ban Tổng Giám đốc		Lương và thưởng	2.390.068.249	3.038.620.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan* (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số dư cuối kỳ VND</i>	<i>Số dư đầu kỳ VND</i>
Maybank International Labuan Branch	Công ty con của công ty chủ quản cao nhất	Vay Lãi vay phải trả	(78.070.000.000) (52.791.449)	- -
Maybank Kim Eng Research Pte. Ltd	Bên liên quan	Phải thu phí nghiên cứu Phải trả phí nghiên cứu	1.275.803.600 (323.759.364)	- -
May Bank Kim Eng Securities Pte.Ltd	Công ty con của MBKEH	Phải trả phí hoa hồng Phải trả phí marketing	(977.057.278) (388.620.159)	(19.468.870) -
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hồ Chí Minh		Vay	-	(15.000.000.000)

26.2 *Cam kết thuê hoạt động*

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Số dư cuối kỳ VND</i>	<i>Số dư đầu kỳ VND</i>
Đến 1 năm	11.260.742.140	11.535.527.090
Từ 1 - 5 năm	12.048.157.835	17.512.128.905
Tổng cộng	23.308.899.975	29.047.655.995

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư chứng khoán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Rủi ro do sự thay đổi về giá cổ phiếu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh 11. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng. Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ trước khi ký kết các hợp đồng margin và ứng trước cho khách hàng, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ (margin call) của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm giao dịch ký quỹ.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong Thuyết minh 11, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm				Bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
		Dưới 3 tháng VND	3 – 6 tháng VND	6 – 12 tháng VND	Trên 1 năm VND		
Tiền gửi	97.000.000.000	-	-	-	-	-	97.000.000.000
Các khoản cho vay	950.312.814.499	-	-	-	-	10.093.389.311	960.406.203.810
Tài sản tài chính khác	11.581.253.309	-	-	-	-	-	11.581.253.309
TỔNG CỘNG	1.058.894.067.808	-	-	-	-	10.093.389.311	1.068.987.457.119

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2016						
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	3.672.000	54.000.000.000	-	-	54.003.672.000
Các khoản cho vay	10.093.389.311	-	950.312.814.499	-	-	960.406.203.810
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	423.258.136	-	-	423.258.136
Phải thu khác	-	-	11.157.995.173	-	-	11.157.995.173
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	44.231.594.283	-	-	-	44.231.594.283
Tổng cộng	10.093.389.311	44.235.266.283	1.015.894.067.808	-	-	1.070.222.723.402
NỢ TÀI CHÍNH						
Vay và nợ ngắn hạn	-	17.500.000.000	78.070.000.000	-	-	95.570.000.000
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	77.823.714.901	-	-	-	77.823.714.901
Phải trả người bán	-	-	4.613.509.310	-	-	4.613.509.310
Chi phí phải trả	-	-	2.831.931.467	-	-	2.831.931.467
Phải trả, phải nộp khác	-	-	90.090.548	-	-	90.090.548
Tổng cộng	-	95.323.714.901	85.605.531.325	-	-	180.929.246.226
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	10.093.389.311	(51.088.448.618)	930.288.536.483	-	-	889.293.477.176

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

26.4 Quản trị nguồn vốn

Công ty tuân thủ các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") về tỷ lệ an toàn tài chính. Theo đó, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ an toàn tài chính ở mức không thấp hơn 150%, đồng thời xây dựng các phương án dự phòng trong trường hợp tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty rơi xuống mức thấp hơn 150%. Công ty lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính hàng tháng và báo cáo tỷ lệ đó cho UBCKNN theo quy định của Thông tư số 226/2010/TT-BTC.

Tỷ lệ an toàn tài chính/tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được tính theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ an toàn tài chính (\%)} = (\text{Vốn khả dụng}/\text{tổng rủi ro}) * 100\%$$

$$\begin{aligned} \text{Vốn khả dụng} &= \text{Tài sản} - \text{Nợ phải trả} - \text{Giảm trừ vốn chủ sở hữu} + \text{Tăng vốn chủ sở hữu} \\ \text{Tổng rủi ro} &= \text{Rủi ro thị trường} + \text{Rủi ro tín dụng} + \text{Rủi ro hoạt động} \end{aligned}$$

Theo đó, tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 1149 %.

26.5 Phân loại lại số liệu tương ứng

Trong kỳ, do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán và yêu cầu trình bày báo cáo tài chính của Công ty theo Thông tư 210, một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính của kỳ này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.5 Phân loại lại số liệu tương ứng (tiếp theo)

Trích từ báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ

	Diễn giải	Số dư đầu kỳ (đã được trình bày trước đây) VND	Phân loại lại VND	Số dư đầu kỳ (được trình bày lại) VND
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL (*)	[1]	-	5.293.792.802	5.293.792.802
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu (*)	[1]	-	44.350.426.516	44.350.426.516
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn	[1]	1.239.180.949	(1.052.180.949)	187.000.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	[1]	1.303.599.672	2.800.900	1.306.400.572
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản (**)	[1]	252.000.000	(252.000.000)	-
Doanh thu khác (**)	[1]	56.167.157.825	(56.167.157.825)	-
Thu nhập hoạt động khác	[1]	-	6.223.749.631	6.223.749.631
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (**)	[1]	93.365.677.564	(93.365.677.564)	-
Doanh thu hoạt động (*)	[1]		91.765.108.639	91.765.108.639

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.5 Phân loại lại số liệu tương ứng (tiếp theo)

Trích từ báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ (tiếp theo)

	Diễn giải	Số dư đầu kỳ (đã được trình bày trước đây) VND	Phân loại lại VND	Số dư đầu kỳ (được trình bày lại) VND
Chi phí hoạt động kinh doanh	[2]	(36.563.088.639)	(2.437.605.519)	(39.000.694.158)
<i>Trong đó:</i>				
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán (**)	[2]	(36.563.088.639)	36.563.088.639	-
Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL (*)	[2]	-	(54.000)	(54.000)
Chi phí lãi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu	[2]	-	(3.105.509.968)	(3.105.509.968)
Chi phí môi giới chứng khoán	[2]	-	(32.304.296.816)	(32.304.296.816)
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	[2]	-	(1.281.851.921)	(1.281.851.921)
Chi phí lưu ký chứng khoán	[2]	-	(2.308.981.453)	(2.308.981.453)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	[2]	-	68.551.731	68.551.731
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ	[2]	-	1.532.017.194	1.532.017.194
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	[2]	-	(5.135.329)	(5.135.329)
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (**)	[1]	56.802.588.925	(56.802.588.925)	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	[2]	(35.207.483.302)	2.442.740.848	(32.764.742.454)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.595.105.623	-	21.595.105.623
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		21.388.235.097	-	21.388.235.097

(*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo thu nhập toàn diện theo Thông tư 210.

(**) Các chỉ tiêu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh không còn được trình bày theo Thông tư 210.

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

[1] Phân loại lại các khoản mục doanh thu hoạt động theo quy định của Thông tư 210

[2] Phân loại lại các khoản mục chi phí hoạt động theo quy định của Thông tư 210

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.5 Phân loại lại số liệu tương ứng (tiếp theo)

Trích từ báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

	Diễn giải	Kỳ trước (đã được trình bày trước đây) VND	Phân loại lại VND	Kỳ trước (được trình bày lại) VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.135.511.031.800	(180.054.165.125)	955.456.866.675
Tiền		207.755.854.376	(176.991.784.920)	30.764.069.456
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (**)	[3]	1.585.700	(1.585.700)	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (*)	[4]	-	1.585.700	1.585.700
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (**)	[4]	722.752.294.516	(722.752.294.516)	-
Các khoản cho vay (*)	[4]	-	715.743.953.794	715.743.953.794
Các khoản phải thu khác	[4]	3.109.655.340	(1.254.819.444)	1.854.835.896
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (**)	[5]	(10.193.110.917)	10.193.110.917	-
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp (*)	[5]	-	(10.193.110.917)	(10.193.110.917)
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp (*)	[5]	-	226.492.054	226.492.054
Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận (*)	[5]	-	8.036.668.112	8.036.668.112
Tài sản ngắn hạn khác	[6]	7.084.752.785	(3.062.380.205)	4.022.372.580
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	[6]	34.417.747.737	3.062.380.205	37.480.127.942
Tài sản dài hạn khác	[6]	15.996.727.286	3.062.380.205	19.059.107.491
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.169.928.779.537	(176.991.784.920)	992.936.994.617

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.5 Phân loại lại số liệu tương ứng (tiếp theo)

Trích từ báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Diễn giải	Kỳ trước (đã được trình bày trước đây) VND	Phân loại lại VND	Kỳ trước (được trình bày lại) VND
C. NỢ PHẢI TRẢ		266.787.552.708	(176.991.784.920)	89.795.767.788
Phải trả người bán	[7]	1.773.500.637	19.468.870	1.792.969.507
Chi phí phải trả	[7]	12.370.999.754	(12.370.999.754)	-
Các khoản phải trả người lao động	[8]	19.468.870	9.193.213.199	9.212.682.069
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	[3]	220.120.024.450	(174.817.806.056)	45.302.218.394
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (**)	[3]	2.173.978.864	(2.173.978.864)	-
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	[8]	-	73.666.864	73.666.864
Chi phí phải trả ngắn hạn		-	3.158.317.685	3.158.317.685
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	[8]	188.861.342	(73.666.864)	115.194.478
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.169.928.779.537	(176.991.784.920)	992.936.994.617

(*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 210.

(**) Các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán không còn được trình bày theo Thông tư 210.

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

- [3] Điều chỉnh tiền gửi của nhà đầu tư ra theo dõi ngoại bảng
- [4] Phân loại lại danh mục đầu tư theo quy định của Thông tư 210
- [5] Phân loại lại các khoản mục phải thu theo quy định của Thông tư 210
- [6] Phân loại lại các khoản mục tài sản khác theo quy định của Thông tư 210
- [7] Phân loại lại các khoản mục vay và nợ theo quy định của Thông tư 210
- [8] Phân loại lại các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên theo quy định của Thông tư 210

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.5 Phân loại lại số liệu tương ứng (tiếp theo)

Trích từ báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Kỳ trước (số liệu đã trình bày) VND</i>	<i>Điều chỉnh theo Thông tư 210 VND</i>	<i>Kỳ trước (trình bày lại) VND</i>
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ			
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	611.131.570.220	(211.489.569.722)	399.642.000.498
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán	214.021.570.220	(211.489.569.722)	2.532.000.498
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ			
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	494.572.307.049	(213.114.510.434)	281.457.796.615
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán	236.572.307.049	(213.114.510.434)	23.457.796.615

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.5 Phân loại lại số liệu tương ứng (tiếp theo)

Trích từ báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của nhà đầu tư

CHỈ TIÊU	Kỳ trước (số liệu đã trình bày) VND	Điều chỉnh theo Thông tư 210 VND	Kỳ trước (trình bày lại) VND
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ			
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	-	211.489.569.722	211.489.569.722
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	-	72.908.030.271	72.908.030.271
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	-	101.750.214.416	101.750.214.416
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	-	36.831.325.035	36.831.325.035
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ			
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	-	213.114.510.434	213.114.510.434
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	-	75.711.832.249	75.711.832.249
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	-	92.389.232.992	92.389.232.992
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	-	45.013.445.193	45.013.445.193

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người lập:



Đào Thị Ngọc Thủy
Phó phòng Tài chính
Kế toán

Người kiểm soát:



Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Trần Thị Thu Hằng
Giám đốc Tài chính
Kế toán

Người phê duyệt:



Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

